BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ BẮC HÀ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực	Thi/ Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**19**	**435**	**157**	**255**	**23**
MH 01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**	**71**	**1825**	**455**	**1294**	**76**
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***	***29***	***645***	***279***	***335***	***31***
MĐ 07	An toàn & vật liệu điện	3	60	45	12	3
MĐ 08	Vẽ kỹ thuật	1	30	15	13	2
MĐ 09	Vẽ điện	1	30	15	13	2
MĐ 10	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	60	27	30	3
MĐ 11	Lý thuyết mạch điện	3	60	45	12	3
MĐ 12	Kỹ thuật số	2	45	13	30	2
MĐ 13	Điện tử số ứng dụng	2	45	13	30	2
MĐ 14	Lý thuyết điều khiển tự động	2	60	13	45	2
MĐ 15	Điện tử công suất	2	45	13	30	2
MĐ 16	Truyền động điện	3	60	27	30	3
MĐ 17	Khí cụ điện	2	45	13	30	2
MĐ 18	Máy điện 1	2	45	13	30	2
MĐ 19	Máy điện 2	3	60	27	30	3
II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***	***42***	***1180***	***176***	***959***	***45***
MĐ 20	Thực hành điện tử cơ bản (TH1)	2	60	0	56	4
MĐ 21	Thực hành điện tử cơ bản (TH2)	2	60	0	56	4
MĐ 22	Vi điều khiển ứng dụng	2	45	30	13	2
MĐ 23	Thực hành điện tử cơ bản (TH3)	2	60	0	56	4
MĐ 24	Khí nén và điều khiển khí nén	2	45	13	30	2
MĐ 25	Thiết bị lạnh và điều hòa không khí	3	60	27	30	3
MĐ 26	Lập trình PLC	2	45	13	30	2
MĐ 27	Cung cấp điện	3	60	27	30	3
MĐ 28	Tự động hóa quá trình	2	45	13	30	2
MĐ 29	Trang bị điện	3	60	27	30	3
MĐ 30	Thiết kế Điện – Điện tử	2	45	13	30	2
MĐ 31	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	13	30	2
MĐ 32	Thực hành PLC, Khí nén, TĐH (TH4)	2	60	0	52	8
MĐ 33	Đồ án cung cấp điện (ĐA1)	1	30	0	30	0
MĐ 34	Thực hành (TĐĐ, CCĐ, ĐTCS…) (TH5)	2	60	0	56	4
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	10	400	0	400	0
Tổng cộng		**90**	**2260**	**612**	**1549**	**99**